

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

- Mã chứng khoán: ITD
- Địa chỉ: Số 1 Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
- Điện thoại liên hệ: 08 3 770 1114
- E-mail: cbtt@itd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị định kỳ quý 1/2023 (kèm Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ năm 2023 của Công ty).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/08/2023 tại đường dẫn: <https://www.itd.com.vn/thong-tin-itd/cbtt-nghi-quyet-hdqt-dinh-ky-quy-1-2023/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số 002/2023/NQ-HĐQT-CBTT ký ngày 09/08/2023.
- Điều lệ năm 2023 của Công ty ký ngày 09/08/2023
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ký ngày 09/08/2023

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CAO MỸ PHƯƠNG
Trưởng phòng Tài Chính

Số: 002/2023/NQ-HĐQT-CBTT

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/01/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 01/08/2023;
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị đã thống nhất vào ngày 09/08/2023;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2023 (01/04/2023-30/06/2023).
- Điều 2.** Thống nhất thông qua và ban hành toàn văn Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các bộ phận, cá nhân có liên quan phải triển khai, thi hành các nội dung tại Nghị quyết này.
- Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

*(Ban hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số
002/2023/NQ-HĐQT-CBTT ngày 09/08/2023)*

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2023



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Thư ký quản trị công ty.....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Ban điều hành	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	33

IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác.....	37
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 44. Cổ tức.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	40
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 46. Quỹ dự trữ.....	41
Điều 47. Năm tài chính.....	41
Điều 48. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	41
Điều 49. Báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý.....	41
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 51. Kiểm toán.....	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	43
Điều 53. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 54. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	43
Điều 55. Thanh lý.....	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 57. Điều lệ công ty.....	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 23 tháng 04 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần bổ sung lần cuối là ngày 09/08/2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành của doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - f. "Ban điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - i. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do công ty phát hành, hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty;
 - j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**
- o Tên tiếng Anh: Innovative Technology Development Corporation
- o Tên giao dịch: Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong
- o Tên viết tắt: ITD Corporation

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- o Địa chỉ: Tòa nhà ITD, số 1 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM
- o Điện thoại: (028) 3 770 1114
- o Fax: (028) 3 770 1116
- o E-mail: info@itd.com.vn
- o Website: www.itd.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 và Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật theo sự đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- a. Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp;
- b. Đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
- d. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về người đại diện hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;
- f. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại tiểu mục c, d, e khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành (Theo ngành kinh tế quốc dân)
A. Kinh doanh		
1	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
6	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
B. Lắp đặt, sửa chữa và thiết kế		
8	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9	Hoạt động viễn thông khác	6190
10	Hoạt động viễn thông có dây	6110
11	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
C. Xây dựng		
14	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
D. Kinh doanh bất động sản		

STT	Tên ngành	Mã ngành (Theo ngành kinh tế quốc dân)
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
E. Tư vấn và hoạt động khoa học công nghệ		
18	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa phân vào đâu	7490
19	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
20	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
F. Sản xuất		
21	Lập trình máy vi tính	6201
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định việc chuyển hay mở rộng các lĩnh vực kinh doanh của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật và thực hiện các thủ tục liên quan với cơ quan chức năng.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đầu tư tại Công ty và thông qua Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động tập đoàn gồm hệ thống công ty mẹ - công ty con;
- Tim kiếm, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới tại Việt nam nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao thương hiệu và mở rộng thị phần của công ty;
- Phát triển các hướng kinh doanh mới để sử dụng tối ưu nguồn lực trong công ty;
- Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết;
- Liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty, mở rộng thị trường khi cần thiết;

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty: 245.335.910.000 đồng.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Việc xử lý số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
 - b. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 (“Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông”) và Điều 133 (“Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty”) của Luật doanh nghiệp;

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí khác có liên quan.
4. Trường hợp tăng/giảm một số cổ phần thì sẽ ghi vào phần tăng/giảm trong chứng nhận cổ phiếu và có đóng dấu, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc đại diện được Công ty uỷ quyền, trừ trường hợp cổ phần đã được lưu ký trên sàn giao dịch chứng khoán.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được cổ đông thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, bao gồm cả việc cổ đông không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu

hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Công ty có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- a. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;
- b. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin mật được Công ty cung cấp riêng theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin mật được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin mật được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc tại một địa điểm phù hợp hoặc kết hợp cả 2 hình thức nêu trên nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng các điều kiện về tổ chức Đại hội cổ đông cổ đông. Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo Kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán viên độc lập dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp (“Trách nhiệm của người quản lý công ty”) hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại khoản 3b Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3c và 3d Điều 14.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4b Điều 14 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3c Điều 14 có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; trích lập, sử dụng các quỹ từ lợi nhuận theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công

ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- s. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện.
 - a. Cổ đông công ty là cá nhân ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp.
 - b. Cổ đông công ty là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền của cổ đông cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho đại hội;
 - c. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - f. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức dễ bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm nhưng không giới hạn các phương thức như gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc phương tiện khác), đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

- chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 18;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự

họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết (tương đương với số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông mang tính phán quyết cao nhất.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

8. Chủ tọa đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều 21 và khoản 1 Điều 17:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 21 và khoản 1 Điều 17.
 3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;
 5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, bao gồm các nội dung nêu tại khoản 2 điều 15 của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
 3. Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là bốn (04) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị, số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế như sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không đủ năng lực hành vi dân sự;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân không chính xác khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị.
 - g. Làm việc tại đơn vị khác mà có ngành nghề cạnh tranh trực tiếp với lĩnh vực kinh doanh hoặc ngành nghề hoạt động của công ty.
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty trong trường hợp sau:
 - a. Là đại diện vốn của các cá nhân, tổ chức là cổ đông của công ty;
 - b. Là cá nhân có năng lực và uy tín trong xã hội, được Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ tiến cử với đa số phiếu hoặc tiến cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các người quản lý của Ban điều hành.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm người quản lý của Ban điều hành công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, đời trụ sở công ty trong địa bàn TPHCM;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý của Ban điều hành hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- k. Đề xuất mức cổ tức hằng năm và quyết định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- l. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
- m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Chỉ định và bãi miễn những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường cho công ty khác;
- e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, hoặc có giá trị đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

- f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm o, q và điểm s khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên và các người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành; hoặc thành viên Hội đồng quản trị thường trực/chuyên trách; hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban, tiểu ban của Hội đồng quản trị; hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu có). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (1) lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng

quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất ba ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định của khoản 8 điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d, khoản 9 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến các vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không biểu quyết.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết:

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản vẫn có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp đó của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Thư ký quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị công ty phải bổ nhiệm ít nhất 1 người làm nhiệm vụ Thư ký quản trị công ty để hỗ trợ cho hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký quản trị công ty phải là người có hiểu biết pháp luật và không đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho công ty.
2. Các quyền và nghĩa vụ của Thư ký quản trị công ty:
 - Tổ chức, tập hợp và chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Thường xuyên liên hệ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, và các thành viên Ủy ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị để tập hợp các thông tin, số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các vấn đề khác của Công ty nhằm thông báo kịp thời cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các thành viên Ủy ban, tiểu ban;
 - Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hỗ trợ công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cung cấp thông tin công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính cho cổ đông;
- Soạn thảo, xây dựng bản dự thảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Thực hiện nhiệm vụ Thư ký cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các Tiểu ban thuộc HĐQT, Ủy ban GOC, GAC và lập biên bản các cuộc họp này, lưu giữ biên bản tại trụ sở công ty;
- Cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban GOC, GAC phục vụ công tác của Ban Kiểm soát khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;
- Thư ký quản trị công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo Quy định bảo mật thông tin, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc chức năng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Ban điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ bổ nhiệm số lượng và người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý thuộc Ban điều hành sẽ do Hội đồng quản trị chấp thuận theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là bốn năm, và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không

được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định điểm k khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này;
 - c. Kiến nghị số lượng và các người điều hành mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Trước ngày 25 của tháng cuối năm tài chính hằng năm trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 04 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - c. Làm việc tại đơn vị khác mà có ngành nghề cạnh tranh trực tiếp về lĩnh vực kinh doanh hoặc ngành nghề hoạt động của công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
5. Việc bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - d. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - e. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - f. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - h. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - i. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - j. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành;
 - k. Kiến nghị cho Hội đồng quản trị ban hành các quy định hoặc chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc điều hành công ty;
 - l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- m. Báo cáo tại Đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Tổng mức thù lao cho các Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ quyết quyết định mỗi năm. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia việc kiểm soát liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại điều 164 Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, những người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, miễn là những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, miễn là những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm về tính trung thực và cẩn trọng; hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là các vụ kiện do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc

đại diện được ủy quyền của công tác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
3. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
6. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập các chính sách nhân sự để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phần hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt / séc hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể làm ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cổ đông của Công ty (còn gọi là ngày chốt danh sách cổ đông). Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phần, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Quỹ dự trữ

Công ty trích lập các Quỹ dự trữ theo qui định pháp luật hiện hành như:

1. Quỹ Khoa học và công nghệ nhằm mục đích:

- Tạo nguồn tài chính tài trợ cho các hoạt động KH&CN của Công ty thông qua các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ dẫn đến cải tiến đổi mới sản phẩm, dịch vụ và giải pháp.
- Thành tựu đạt được từ quá trình nghiên cứu là tiền đề tạo ra những sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.
- Ưu tiên tài trợ các đề án nghiên cứu ứng dụng KH&CN mới có tính thử thách và thời hạn thử nghiệm, đánh giá dưới 03 năm.

2. Quỹ Đầu tư phát triển nhằm mục đích:

- Tạo lập nguồn vốn để Ban điều hành chủ động trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ mới và triển khai các đề án đầu tư phát triển mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của công ty có thời hạn triển khai và thu hồi vốn trên 03 năm.
- Dự phòng rủi ro tổn thất do thiên tai hoặc hỏa hoạn xảy ra.

3. Quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác (nếu có).

Việc trích lập và sử dụng các Quỹ dự trữ được báo cáo và trình Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ họp định kỳ cuối năm, riêng Quỹ Đầu tư phát triển được Hội đồng quản trị báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp thường niên.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hằng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của công ty mẹ còn phải bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính hằng quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Ban kiểm soát. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty.
2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Bản sao Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ trên một nửa số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết trong việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí

liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI mục 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần bổ sung lần cuối là ngày 09/08/2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám đốc, hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.

Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VINH THUẬN

C.P.



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

*(Ban hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số
002/2023/NQ-HĐQT-CBTT ngày 09/08/2023)*

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2023



MỤC LỤC

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích:	4
Điều 2. Phạm vi áp dụng:	4
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng	4
Điều 4. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:.....	4
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 5. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	7
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường.....	7
Điều 8. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12
Điều 9. Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.....	14
Điều 11. Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.....	14
Điều 12. Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	14
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 13. Hội đồng quản trị	15
Điều 14. Thành viên của Hội đồng quản trị	15
Điều 15. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 17. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 18. Các Ủy ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	21
Điều 19. Ủy ban điều hành tập đoàn (GOC)	21
Điều 20. Thành viên Ủy ban điều hành tập đoàn (GOC)	22
Điều 21. Ủy ban kiểm toán tập đoàn (GAC)	22
Điều 22. Thành viên của Ủy ban kiểm toán tập đoàn (GAC)	23
Điều 23. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.....	24
Điều 25. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	25
Điều 26. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị	Error! Bookmark not defined.
Điều 27. Thư ký quản trị công ty.....	26
Chương IV: BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 28. Thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 29. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát:	29

Điều 31. Thủ lao của Ban kiểm soát.....	30
Chương V: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	31
Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc và Ban điều hành.....	31
Điều 33. Giao dịch với người có liên quan.....	31
Điều 34. Giao dịch với cổ đông, Ban điều hành và người có liên quan của các đối tượng này...	32
Điều 35. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho những người có liên quan.....	32
Chương VI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	34
Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên	34
Điều 37. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty.....	34
Điều 38. Công bố thông tin về quản trị công ty	34
Điều 39. Công bố thông tin về thu nhập của Ban Tổng Giám đốc.....	34
Điều 40. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	34
Điều 41. Tổ chức công bố thông tin.....	35

CÔNG TY CỔ PHẦN
 TÀI CHÍNH

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (gọi tắt là “*Quy chế*”) quy định về quản trị công ty được áp dụng nhằm đảm bảo định hướng điều hành và sự kiểm soát của các cổ đông có hiệu quả; để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người liên quan đến công ty; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành của Công ty. Quy chế được xây dựng trên cơ sở Điều lệ của Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong và những quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế được áp dụng tại công ty Tiên Phong và công ty con là công ty niêm yết trong tập đoàn ITD.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. *Giá trị*: các hoạt động quản trị phải phối hợp để tạo ra và bảo vệ giá trị cho công ty.
2. *Tuân thủ*: hoạt động quản trị tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
3. *Công bằng*: đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan, đặc biệt là những cổ đông nhỏ.
4. *Minh bạch*: hoạt động của Công ty luôn rõ ràng và công khai.
5. *Độc lập*: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc công ty thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình một cách độc lập theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. *Quản trị công ty* là quan hệ quản lý, điều hành và giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cổ đông của công ty. “*Quản trị công ty*” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty, bao gồm các nguyên tắc sau:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
2. *Công ty mẹ* là công ty sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp số cổ phần hoặc được sự uỷ quyền của nhóm cổ đông liên kết khác, chiếm trên 50% quyền biểu quyết, có quyền chi phối các chính sách tài chính, hoạt động tại công ty con; hoặc có số Người đại diện vốn chiếm đa số trong Hội đồng quản trị công ty đó. Trong quy chế này công ty mẹ là Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong (gọi tắt là ITD).

3. Công ty con là công ty chịu sự chi phối của ITD như định nghĩa trên.
4. Tập đoàn ITD bao gồm công ty Tiên Phong và các công ty con.
5. Người đại diện vốn là người được ITD ủy quyền/cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của ITD tại công ty thành viên và/hoặc là người đại diện ITD tham gia vào Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Ban kiểm soát/Ban điều hành tại công ty thành viên.
6. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.
7. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
8. Ban quản trị công ty bao gồm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty.
9. Ủy ban điều hành tập đoàn (Group Operation Committee): là Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị của ITD, chịu trách nhiệm định hướng chiến lược tổng thể cho tập đoàn, định hướng chiến lược cho các công ty thuộc tập đoàn. Trong Quy chế này, Ủy ban điều hành tập đoàn gọi tắt là GOC.
10. Ủy ban kiểm soát tập đoàn (Group Auditing Committee): là Ủy ban trực thuộc Ban kiểm soát của ITD, nhằm điều phối và thống nhất các hoạt động kiểm soát của tập đoàn, đồng thời sử dụng tối ưu nguồn lực kiểm soát nội bộ dựa trên sự phối hợp tốt hoạt động của Ban kiểm soát công ty mẹ, bộ phận kiểm toán nội bộ và ban kiểm soát của các đơn vị thành viên. Trong Quy chế này, Ủy ban kiểm soát tập đoàn gọi tắt là GAC.
11. Ban điều hành công ty: là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
12. Thư ký quản trị công ty: là thư ký công ty kiêm người phụ trách quản trị công ty.
13. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không nằm trong Ban điều hành công ty.
14. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ các chức vụ trong Ban điều hành, làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Công ty.
15. Thành viên Hội đồng quản trị thường trực là thành viên Hội đồng quản trị được chọn để tạo thuận lợi và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề đột xuất liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
16. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty trong 03 năm liền kể trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

17. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm những người sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban kiểm soát hoặc đại diện Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

18. UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước.

19. SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán.

20. HĐQT: Hội đồng quản trị.

21. BKS: Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ công ty. Ngoài ra cổ đông công ty đại chúng có các quyền sau đây:
 - Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Quyền khác theo quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có trách nhiệm của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với thủ tục triệu tập và biểu quyết theo các mốc trình tự thời gian sau:

CBTT lập DS cổ đông dự họp	Ngày đăng ký cuối cùng	Gửi thông báo mời	Ngày Khai mạc ĐHDCĐ
$T_0 - 20$ ngày	T_0	T_1	$T_1 + 21$ ngày

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. *Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông*: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông, công bố trên phương tiện thông tin của SGDCK, trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu hai mươi một ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ), bao gồm thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp;
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

c. *Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông*:

- Cổ đông xác nhận tham dự: về nguyên tắc cổ đông có quyền tham dự tất cả Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; tuy nhiên, để giúp cho Người triệu tập tổ chức chu đáo và hạn chế lãng phí, cổ đông sẽ xác nhận trước việc tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng một hoặc nhiều hình thức: điện thoại, gửi email cho công ty, đăng ký trực tiếp với HĐQT ít nhất 06 ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội trực tiếp qua điện thoại với Ban điều hành hoặc Thư ký quản trị công ty, hoặc fax hoặc gửi giấy xác nhận dự họp bằng đường bưu điện cho Công ty trước ngày dự họp 05 ngày theo dấu bưu điện.
- Nếu cổ đông là cá nhân không thể tham dự đại hội thì có thể ủy quyền cho 01 (một) người khác dự họp; nếu cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho tối đa 03 (ba) người đại diện. Việc ủy quyền cho người

đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Khi tham dự trực tuyến, cổ đông và người được ủy quyền lưu ý:
 - o Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông và người được ủy quyền cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - o Cách thức thực hiện: Cổ đông và người được ủy quyền truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

d. Thảo luận tại Đại hội:

- Nguyên tắc:
 - o Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - o Chỉ có cổ đông và người được ủy quyền mới được tham gia thảo luận;
 - o Cổ đông và người được ủy quyền có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - ✓ Đại biểu có thể đặt câu hỏi trực tiếp trong trường hợp Đại hội diễn ra tại một địa điểm hoặc tại mục thảo luận trong giao diện tham dự Đại hội trực tuyến (được thông báo cụ thể trước từng kỳ Đại hội), hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do cổ đông và người được ủy quyền đã đăng ký) cho Công ty trước giờ thảo luận;
 - ✓ Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của cổ đông và người được ủy quyền và chuyển lên cho Chủ tọa.
- Giải đáp ý kiến của các cổ đông và người được ủy quyền:
 - o Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông và người được ủy quyền;
 - o Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

e. Cách thức bỏ phiếu: bỏ phiếu từng vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phát cho từng cổ đông một thẻ biểu quyết có số đăng ký và tên của Cổ đông, cùng với số phiếu biểu quyết (tương đương với số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

- Bỏ phiếu trực tiếp: cổ đông và người được ủy quyền biểu quyết trực tiếp trên phiếu biểu quyết được phát khi làm thủ tục đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp.
- Bỏ phiếu điện tử

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - ✓ Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - ✓ Sau đó, cổ đông và người được ủy quyền xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Cách thức bỏ phiếu bầu cử:
 - ✓ Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - ✓ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát do Đại hội thông qua và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - ✓ Sau đó, cổ đông và người được ủy quyền xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - ✓ Trường hợp cổ đông và người được ủy quyền không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông và người được ủy quyền không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - ✓ Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông và người được ủy quyền có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông và người được ủy quyền không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông và người được ủy quyền không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - ✓ Cổ đông và người được ủy quyền có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Nội quy làm việc của đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại cuộc họp Đại hội.

f. *Cách thức kiểm phiếu:* Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

Trong những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

g. *Kết quả kiểm phiếu*: Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu ngay tại cuộc họp và chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về kết quả kiểm phiếu này.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

3. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong Đại hội, cổ đông được quyền công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành hoặc không tham gia biểu quyết; tuy nhiên phải tuân thủ kết quả biểu quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản a của Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác.

4. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông: Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký, biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa và Thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

6. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.
8. Hằng năm, công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
9. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.
10. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong điều kiện kỹ thuật cho phép và không phát sinh chi phí bất hợp lý cho công ty.

Điều 8. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Theo các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị được quyền lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trình tự được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, gồm có các nội dung như sau:
 - Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Thông tin của cổ đông: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hình thức gửi: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Hội đồng quản trị phải đảm

bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Thành phần kiểm phiếu: Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trường hợp này nghị quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.

1. Công ty công bố biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của Ủy Ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
2. Việc công bố thông tin được gửi cho Ủy Ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh qua hệ thống công bố và quản lý thông tin và gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện đồng thời phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do Tổng Giám đốc công ty hoặc nhân viên công bố thông tin được ủy quyền thực hiện. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do nhân viên công bố thông tin được ủy quyền công bố. Thông tin công bố phải được bảo quản, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 11. Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên

HDQT phải báo cáo những nội dung sau đây tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm tài chính;
- Tình hình hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến của Công ty trong tương lai;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với Ban điều hành.

Điều 12. Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ban kiểm soát phải báo cáo những nội dung sau đây tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
- Tình hình hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm tài chính;
- Tổng kết cuộc họp và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động của HDQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của công ty;
- Kết quả đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, minh bạch, tuân thủ và mức độ rủi ro (nếu có) của tình hình tài chính Công ty;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HDQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng Quy chế này và những quy định của pháp luật.

Điều 14. Thành viên của Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty trong các trường hợp sau:
 - Là đại diện vốn của cá nhân, tổ chức là cổ đông công ty;
 - Là cá nhân có năng lực và uy tín trong xã hội, được Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ tiến cử với đa số phiếu hoặc tiến cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 04 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
5. Phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị là bầu dồn phiếu và bầu 01 lần trên cùng một danh sách, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành

viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên độc lập và thành viên không độc lập theo quy định tại Điều lệ công ty.

Sau khi bầu chọn thành viên Hội đồng quản trị, công ty gửi văn bản cam kết chịu trách nhiệm về tính độc lập của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập được quy định tại khoản 7 điều này cho SGDCK, và phải công bố thông tin ngay khi phát sinh những thay đổi làm ảnh hưởng đến các điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

6. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị:

- Từ 10% đến dưới 20%: đề cử 01 ứng cử viên;
- Từ 20% đến dưới 30%: đề cử tối đa 02 ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40%: đề cử tối đa 03 ứng cử viên;
- Từ 40% đến dưới 50%: đề cử tối đa 04 ứng cử viên;
- Từ 50% đến dưới 60%: đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
- Từ 60% đến dưới 70%: đề cử tối đa 06 ứng cử viên.
- Từ 70% đến dưới 80%: đề cử tối đa 07 ứng cử viên.
- Và từ 80% đến dưới 90%: đề cử tối đa 08 ứng cử viên.

Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại Điều lệ công ty.

7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: từ 05 đến 11 thành viên, trong đó tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty.

10. Công ty có Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng, độc lập trong các vấn đề được đưa ra thảo luận.

12. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách liêm chính, trung thực, cẩn trọng, tự tin phán đoán những rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh để đảm bảo quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
13. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế như sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không đủ năng lực hành vi dân sự;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân không chính xác khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - g. Làm việc tại đơn vị khác mà có ngành nghề cạnh tranh trực tiếp về lĩnh vực kinh doanh hoặc ngành nghề hoạt động của công ty.
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

- e. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SGDCK và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.
6. Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm Ban điều hành công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn phê duyệt mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và hợp đồng của những người quản lý khác được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.

Điều 17. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó, do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Chủ tịch phải triệu tập họp các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

1. Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị như sau:
 - ❖ Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp và gửi ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp bất thường có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- ❖ Điều kiện tiến hành cuộc họp:
 - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ 1 không đủ số thành viên như trên, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần trước. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên dự họp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp.
 - Cách thức biểu quyết:
 - ✓ Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
 - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - ✓ Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến các vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
 - ✓ Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại các nội dung trên sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:
 - ✓ Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
 - ✓ Trong trường hợp phải quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị nhưng xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản và/hoặc bằng email và/hoặc bằng hình thức khác. Trong trường hợp này, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng email được thực hiện như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định và chuẩn bị các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung của Phiếu/ Email hỏi ý kiến.
 - Phiếu/ Email hỏi ý kiến phải có những nội dung như sau:
 - Vấn đề cần hỏi ý kiến.
 - Các tài liệu được gửi kèm (nếu có).
 - Thời hạn cuối cùng phải gửi Phiếu hỏi ý kiến/ Email về Hội đồng.
 - Lựa chọn biểu quyết gồm “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không có ý kiến**”.
 - Hình thức gửi Phiếu hỏi ý kiến/Email: thư bảo đảm, thư điện tử hoặc các hình thức khác nhưng phải đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị sẽ nhận được trực tiếp trước ít nhất hai (02) ngày khi kết thúc thời hạn cuối cùng phải gửi Phiếu/ Email hỏi ý kiến về công ty.
 - Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được tiến hành độc lập với sự chứng kiến của Thư ký quản trị công ty và Ban kiểm soát và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến.
 - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết.
 - Việc lấy ý kiến và kết quả biểu quyết cần phải đồng gửi cho Thư ký quản trị công ty và Trưởng Ban kiểm soát. Các quyết định được thông qua có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham gia.
2. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị và hiệu lực thì hành như quyết định được thông qua tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản

trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Các Ủy ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban và các tiểu ban để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong những trường hợp cần thiết thành lập phục vụ cho công tác tổ chức kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị được quyền thành lập các ủy ban và các tiểu ban hỗ trợ và phải thông báo của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.

Điều 19. Ủy ban điều hành tập đoàn (GOC)

1. GOC là Ủy ban hỗ trợ cho Hội đồng quản trị với mục đích hoạt động như sau:
 - Điều phối và tạo ra giá trị cộng hưởng giữa các hoạt động của các công ty con và công ty mẹ Tiên Phong theo những định hướng chiến lược của tập đoàn ITD.
 - Xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo mang tầm chiến lược tập đoàn ITD.
2. Cơ chế hoạt động của GOC:
 - a. GOC họp định kỳ vào cuối mỗi quý trong năm tài chính, để xác định phạm vi và lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, mục tiêu kinh doanh hàng năm và cách thức phân bổ nguồn lực thích hợp, đồng thời xác định phương thức và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động BSC để giữ và tăng cường nguồn nhân lực lãnh đạo “tài năng” cho công ty. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch GOC có thể triệu tập cuộc họp bất thường.
 - b. Chủ tịch GOC phải gửi thông báo mời họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp. Chủ tịch GOC là chủ tọa cuộc họp, thành viên không được ủy quyền cho người khác biểu quyết thay tại cuộc họp. Biên bản cuộc họp GOC phải được gửi cho các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp. Chủ tịch và Thư ký chịu trách nhiệm trước các thành viên và pháp luật về tính chính xác của nội dung Biên bản.
 - c. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được để trong bì kín hoặc gửi Email và phải được chuyển đến cho Chủ tịch GOC trước 01 giờ diễn ra cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của các thành viên dự họp.
 - d. Quyết định của GOC được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch GOC. Quyết định của GOC có giá trị bắt buộc thi hành đối với toàn thể thành viên của GOC.

Điều 20. Thành viên Ủy ban điều hành tập đoàn (GOC)

1. GOC bao gồm các thành viên như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị ITD.
- Các thành viên HĐQT thuộc tiêu ban phát triển kinh doanh.
- Tổng Giám đốc ITD.
- Các Phó Tổng giám đốc/Giám đốc chức năng ITD.
- Người đại diện của ITD là thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty thành viên.
- Các thành viên khác đồng ý lời mời của Chủ tịch HĐQT ITD tham gia vào GOC.
- Thư ký quản trị Công ty: thành viên thường trực của GOC, nhưng không tham dự biểu quyết.
- Chủ tịch GOC sẽ được HĐQT ITD quyết định bổ nhiệm.

2. Trách nhiệm thành viên GOC:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường niên và bất thường của GOC.
- Tuân thủ các quy định về tổ chức và hoạt động mà GOC đề ra.
- Tôn trọng và chấp hành đúng, nghiêm chỉnh những quyết định của GOC.
- Cam kết bảo mật thông tin theo Quy định bảo mật thông tin hiện hành của ITD

Điều 21. Ủy ban kiểm toán tập đoàn (GAC)

1. GAC là Ủy ban trực thuộc BKS ITD với mục đích: giải quyết các vấn đề liên quan đến việc kiểm soát của tập đoàn. GAC sẽ báo cáo trực tiếp cho thành viên được phân công của BKS ITD, đồng thời thông báo kết quả kiểm soát cho Người đại diện của ITD tại công ty thành viên.
2. Cơ chế hoạt động của GAC:
 - a. GAC sẽ họp định kỳ hàng quý của năm tài chính. Trong buổi họp GAC đầu năm, thường trực Ủy ban GAC đệ trình kế hoạch kiểm toán định kỳ của các đơn vị trong tập đoàn.
 - b. Dựa trên kế hoạch này, GAC phân công thành viên GAC, bộ phận kiểm toán và/ hoặc các chuyên viên khác trong tập đoàn phụ trách việc kiểm toán cho từng đơn vị. Ban kiểm soát của Công ty được kiểm toán có trách nhiệm triển khai nội dung của kế hoạch và thông báo cho Ban điều hành công ty phối hợp và thực hiện.
 - c. Việc kiểm toán tại các công ty được tuân thủ theo Quy chế kiểm soát nội bộ hiện hành.
 - d. Chủ tịch GAC phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 ngày trước ngày họp. Chủ tịch GAC là chủ tọa cuộc họp, thành viên không được ủy quyền cho người khác biểu quyết thay tại cuộc họp. Biên bản cuộc họp GAC phải được gửi cho các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp. Chủ tịch và thường trực ủy ban chịu trách nhiệm trước các thành viên và pháp luật về tính chính xác của nội dung Biên bản.
 - e. Thông qua quyết định của GAC: Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được để trong bì kín hoặc bằng

Email và phải được chuyển đến cho Chủ tịch GAC trước 01 giờ diễn ra cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của các thành viên dự họp.

- f. Quyết định của GAC được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch GAC.

Điều 22. Thành viên của Ủy ban kiểm toán tập đoàn (GAC)

1. GAC bao gồm các thành viên như sau:

- Thành viên đại diện của Ban kiểm soát ITD.
- Tổng Giám đốc ITD.
- Người đại diện của ITD là thành viên Ban kiểm soát của các công ty thành viên.
- Giám đốc chức năng của ITD.
- Trưởng phòng kiểm toán nội bộ ITD là thành viên thường trực.
- Chủ tịch GAC sẽ được Ban kiểm soát ITD quyết định bổ nhiệm.

2. Trách nhiệm thành viên GAC:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường niên và bất thường của GAC.
- Tuân thủ các quy định về tổ chức và hoạt động mà GAC đề ra.
- Tôn trọng và chấp hành đúng những quyết định của GAC.
- Cam kết bảo mật thông tin theo Quy định bảo mật thông tin hiện hành của ITD.

Điều 23. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Chức năng của các tiểu ban:

a. Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn:

- Tìm kiếm và đề cử ứng viên giữ các vị trí lãnh đạo của tập đoàn ITD như thành viên Hội đồng quản trị và / hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty Tiên Phong và các công ty thuộc tập đoàn ITD.
- Bàn giao nhiệm vụ cho TGD, duyệt gói thu nhập cho Ban điều hành.
- Duyệt xét các chính sách liên quan đến các yêu cầu đặt ra cho các chức vụ cao cấp của công ty.
- Xem xét và trình HĐQT duyệt chính sách thu nhập áp dụng cho tập đoàn ITD.
- Duyệt các hợp đồng / thỏa thuận giữa công ty với với tổ chức, cá nhân và người có liên quan cần công bố thông tin (trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT).

b. Tiểu ban chiến lược kinh doanh và đầu tư:

- Đánh giá tình hình thực thi chiến lược kinh doanh đầu tư của tập đoàn.
- Đánh giá hiệu quả của các dự án lớn của công ty trong thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Tìm kiếm những cơ hội kinh doanh và đầu tư mang tính khả thi cho tập đoàn.

c. Tiểu ban chính sách quản trị:

- Xem xét đánh giá quy chế, chính sách của tập đoàn.

- Đề xuất các biện pháp tối ưu hóa hệ thống quản trị.

2. Thành viên của các tiểu ban:

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty Tiên Phong tham dự các tiểu ban trên cơ sở tự nguyện. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành làm trưởng tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn.
- Số lượng thành viên tiểu ban có không ít hơn 03 thành viên, không quá 05 thành viên. Tiểu ban bầu một thành viên làm Trưởng tiểu ban.
- Các tiểu ban có thể mời các cấp quản lý của tập đoàn tham dự và đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

3. Cơ chế hoạt động của các tiểu ban:

- Trưởng tiểu ban phải gửi thông báo mời họp bằng văn bản hoặc bằng email cho các thành viên ít nhất 01 ngày trước ngày họp. Trưởng tiểu ban sẽ chủ trì cuộc họp.
- Quyết định của các tiểu ban được thông qua nếu được đa số các thành viên tán thành. Quyết định của tiểu ban phải được gửi đến Hội đồng quản trị thông qua Thư ký quản trị công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi cuộc họp kết thúc.

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành và giám sát lẫn nhau theo nhiệm vụ, quyền hạn đã quy định tại Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và đề xuất cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành. Việc khen thưởng và kỷ luật các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc công ty được thể hiện những nội dung sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo, biên bản họp, thông báo kết quả họp Hội đồng quản trị đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát có thể cử thành viên đại diện tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; nhưng không biểu quyết.
 - b. Trưởng Ban kiểm soát thông báo Biên bản họp Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị thông qua Thư ký quản trị công ty.
 - c. Các buổi họp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần có sự tham dự của Thư ký quản trị công ty. Trường hợp Thư ký quản trị công ty vắng mặt, Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát cần cử một thành viên làm Thư ký để ghi biên bản họp. Toàn bộ biên bản họp Hội đồng quản trị và/ hoặc Ban kiểm soát phải được Thư ký quản trị công ty lưu tại trụ sở.

- d. Việc phân cấp ủy quyền giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đều được lập thành văn bản và phải thông báo cho Ban kiểm soát trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày quyết định.
- e. Tổng Giám đốc chỉ đạo những người quản lý các đơn vị trong Công ty phải cung cấp thông tin, tài liệu của Công ty trung thực, chính xác khi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có yêu cầu bằng văn bản.
- Yêu cầu này phải được gửi đến Tổng Giám đốc công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày kiểm tra, nêu rõ thời gian, chương trình và các vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra đột xuất có thể chỉ cần thông báo trước 01 tiếng đồng hồ khi có sự chấp thuận việc kiểm tra của đa số thành viên Hội đồng quản trị.
 - Trong vòng 15 ngày sau khi kiểm tra, Ban kiểm soát gửi kết quả đánh giá, kiểm tra đến Tổng Giám đốc nhằm thông báo và làm rõ, sau đó gửi cho Hội đồng quản trị.
- f. Khi phát hiện nghị quyết Hội đồng quản trị gây bất lợi cho công ty, Tổng Giám đốc phải phản ánh cho Hội đồng quản trị biết để xem xét điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị vẫn giữ nguyên ý kiến thì Tổng Giám đốc phải thực hiện theo nghị quyết nhưng được quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cho Ban kiểm soát biết.
- g. Ban kiểm soát thông báo Hội đồng quản trị hằng quý, hằng năm và theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình.
- h. Ban kiểm soát thông báo Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trái với quy định về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ban kiểm soát gửi các báo cáo cho Hội đồng quản trị để thông báo và làm rõ trước khi trình cho Đại hội đồng cổ đông.
- i. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh, dự kiến kết quả thực hiện trong kỳ tới và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- j. Trong thời hạn 75 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong năm tới của công ty cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 25. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

- Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tuyển dụng người điều hành cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm.
- Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- Việc tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải tuân thủ Luật lao động, Điều lệ công ty và các qui định nội bộ liên quan.

- Việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc thông báo cho Tiểu ban nhân sự thuộc HĐQT về các vị trí điều hành doanh nghiệp khi bắt đầu thời gian thử việc.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và thưởng dựa trên hiệu quả hoạt động của công ty.
Ngoài các khoản thù lao và thưởng nêu trên, thành viên Hội đồng quản trị điều hành được nhận thu nhập (lương và thưởng) cho chức danh điều hành mà mình phụ trách tại công ty; thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách/ thường trực được nhận khoản thù lao trọn gói theo thời gian đảm nhận công việc do Hội đồng quản trị phân công.
2. Kế hoạch ngân sách, chi phí hoạt động, mức trần thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hằng năm.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành; hoặc thành viên Hội đồng quản trị thường trực/chuyên trách; hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban, tiểu ban của Hội đồng quản trị; hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị thường trực/chuyên trách được trả thêm dưới dạng thù lao trọn gói theo tháng thì mức chi trả thêm không vượt quá 50% mức lương gộp hàng tháng của mức cao nhất trong Ban điều hành công ty. Hội đồng quản trị được quyền phê duyệt các khoản chi trả thêm trong hạn mức kế hoạch ngân sách và mức trần được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 27. Thư ký quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị công ty phải bổ nhiệm ít nhất 1 người làm nhiệm vụ Thư ký quản trị công ty để hỗ trợ cho hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký quản trị công ty phải là người có hiểu biết pháp luật và không đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho công ty.
2. Các quyền và nghĩa vụ của Thư ký quản trị công ty:
 - Tổ chức, tập hợp và chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Thường xuyên liên hệ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, và các thành viên Ủy ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị để tập hợp các thông tin, số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các vấn đề khác của Công ty nhằm thông báo kịp thời cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các thành viên Ủy ban, tiểu ban;
- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Hỗ trợ công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cung cấp thông tin công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính cho cổ đông;
- Soạn thảo, xây dựng bản dự thảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Thực hiện nhiệm vụ Thư ký cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các Tiểu ban thuộc HĐQT, Ủy ban GOC, GAC và lập biên bản các cuộc họp này, lưu giữ biên bản tại trụ sở công ty.
- Cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban GOC, GAC phục vụ công tác của Ban Kiểm soát khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;
- Thư ký quản trị công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo Quy định bảo mật thông tin, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty trong các trường hợp sau:
 - Là đại diện vốn của cá nhân, tổ chức là cổ đông công ty;
 - Là cá nhân có năng lực và uy tín trong xã hội, được tiến cử bởi Tiểu ban nhân sự của công ty Tiên Phong với đa số phiếu hoặc bởi Ban kiểm soát hoặc bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Số lượng Ban kiểm soát là: từ 03 đến 05 thành viên. Việc đề cử và phương thức bầu thành viên Ban kiểm soát cũng được đề cử và bầu như thành viên Hội đồng quản trị.

Cụ thể:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát:
 - Từ 10% đến dưới 20%: đề cử 01 ứng cử viên;
 - Từ 20% đến dưới 30%: đề cử tối đa 02 ứng cử viên;
 - Từ 30% đến dưới 40%: đề cử tối đa 03 ứng cử viên;
 - Từ 40% đến dưới 50%: đề cử tối đa 04 ứng cử viên;
 - Từ 50% đến dưới 60%: đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
 - Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại Điều lệ công ty.
4. Khi thành viên BKS và những người có liên quan có chuyển nhượng cổ phần của công ty, kể cả trường hợp không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK, TTGDCK (cho, tặng, thừa kế, ...) phải thực hiện việc báo cáo cho UBCKNN, SDGCK, TTGDCK và công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan tình hình hoạt động của công ty được lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
2. Công ty đảm bảo thành viên Ban kiểm soát được độc lập hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát

1. Nhiệm vụ:

- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình.
- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của Ban giám đốc, và người quản lý công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền biểu quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong 15 ngày sau khi kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo kết quả đến Hội đồng quản trị và cổ đông có yêu cầu.
- Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký quản trị công ty và thành viên Ban kiểm soát dự họp phải ký tên vào biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này.

2. Quyền hạn:

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, được quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập tham gia, trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

- Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ công ty.

Điều 31. Thù lao của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao của Ban kiểm soát. Thù lao của Ban kiểm soát được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh Báo cáo tài chính được kiểm toán hằng năm.

CHƯƠNG V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc và Ban điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban điều hành phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, Ban điều hành và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không sử dụng thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Ban điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh mang tính tài chính cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban điều hành và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc có người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, Ban điều hành hay người có liên quan với các đối tượng trên không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 33. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty phải có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 34. Giao dịch với cổ đông, Ban điều hành và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:
 - a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Ban điều hành và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban điều hành và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 2 Điều này có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 35. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho những người có liên quan

1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty có trách nhiệm hợp tác tích cực với những người có liên quan đến công ty thông qua các việc sau đây:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để tạo điều kiện cho họ đánh giá được tình hình hoạt động và tài chính công ty để đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
3. Công ty quan tâm đến các vấn đề phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của công ty.

CTCP
M

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo các cổ đông có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ sử dụng trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 37. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 38. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 39. Công bố thông tin về thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Tổng tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 41. Tổ chức công bố thông tin

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của công ty với cổ đông và nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC